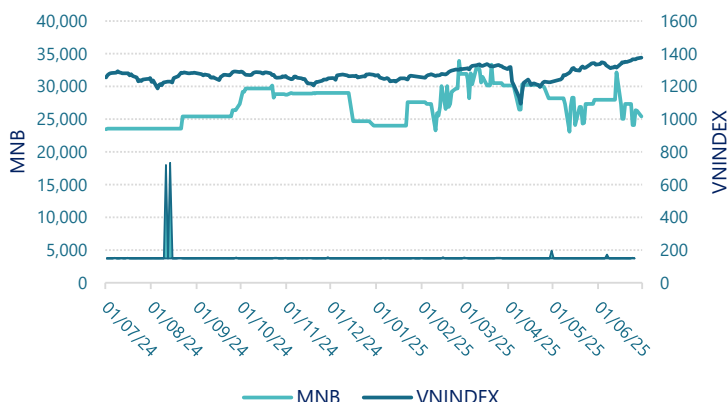


Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,919
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,084
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	795
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	540
P/E	4.8
EPS	5,592

DT thuần

Q2/25

1,320

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 312 | 31.0%

YoY: ▲ 250 | 23.4%

LN sau thuế

Q2/25

43.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.90 | 22.5%

YoY: ▲ 20.6 | 91.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.5%

+/- YoY: ▲ 1.2%

DT thuần

6T 2025

2,328

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 382 | 19.7%

LN sau thuế

6T 2025

78.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.5 | 132%

ROE

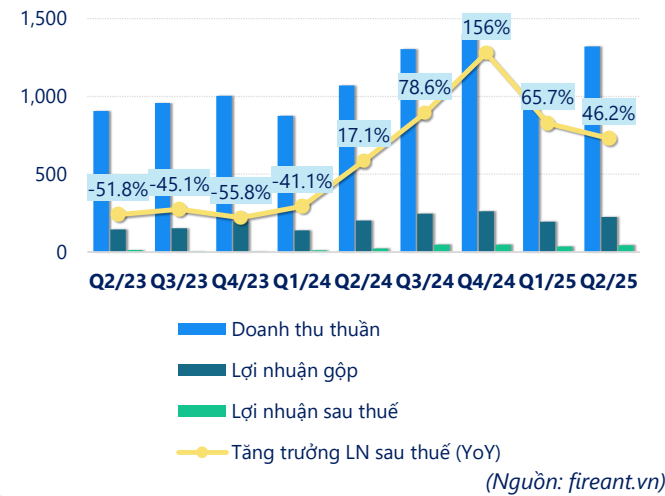
Q2/25

22.1%

+/- YoY: ▲ 15.5%

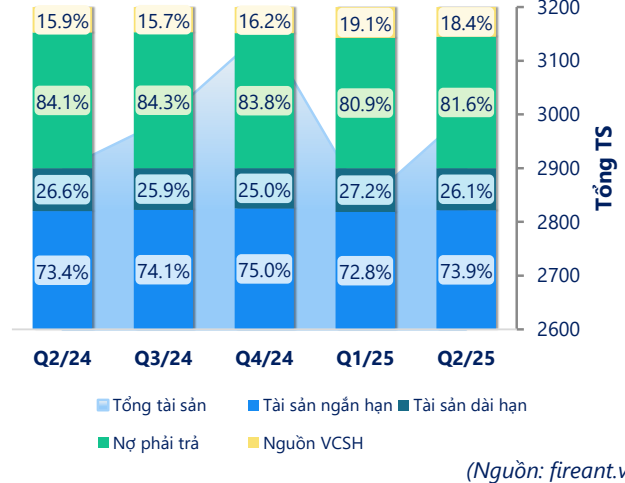
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

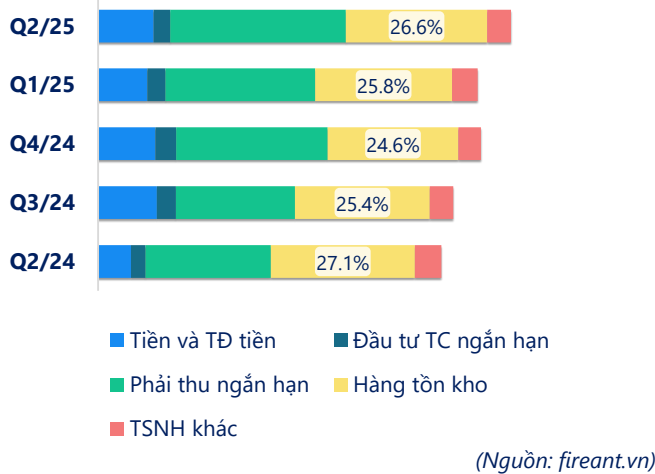


Cơ cấu Tổng tài sản

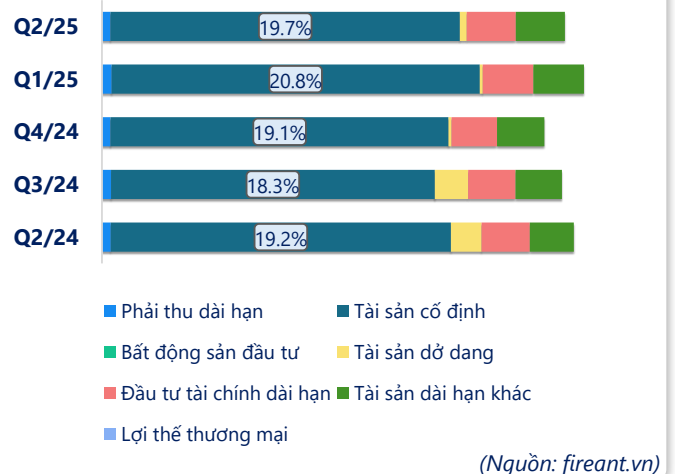
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

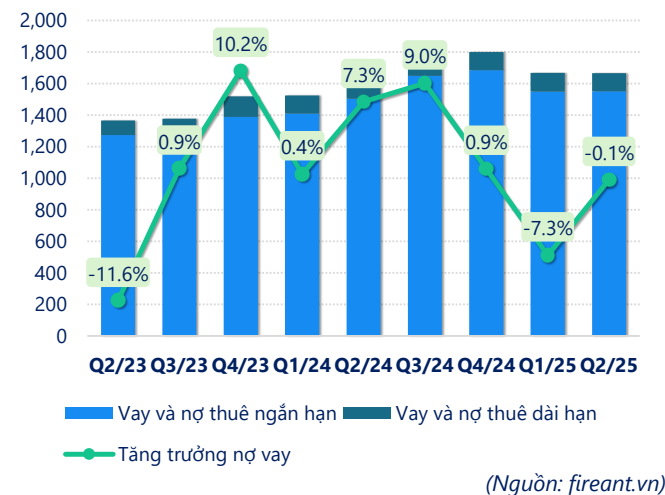


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



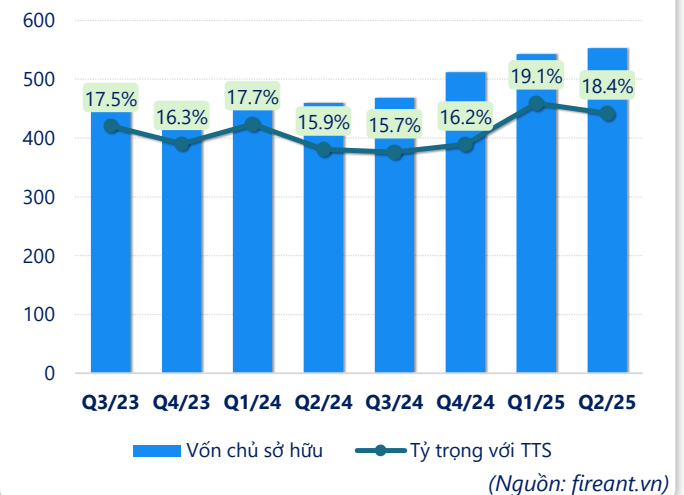
tỷ VNĐ

Nợ vay



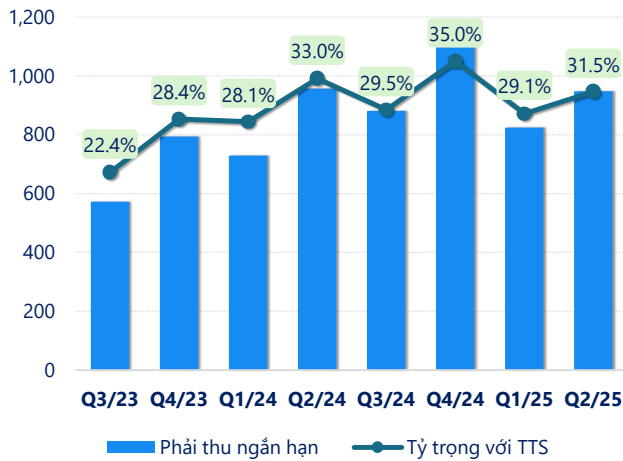
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



tỷ VNĐ

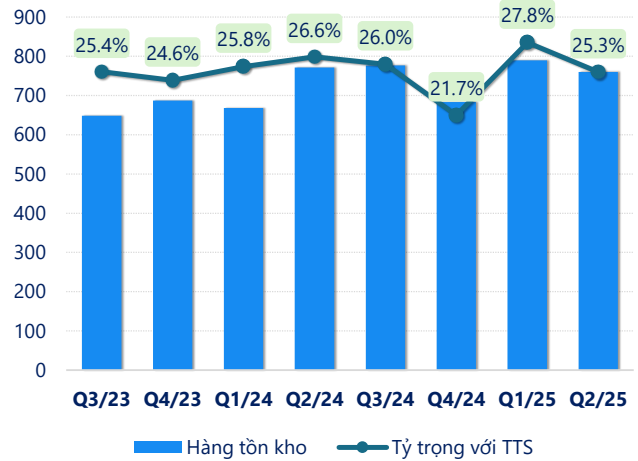
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

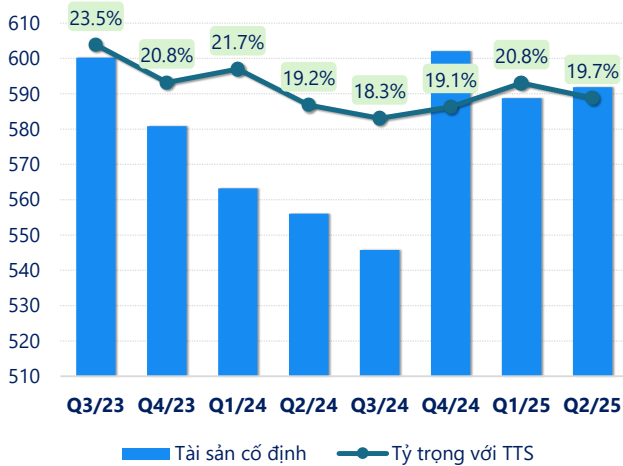
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

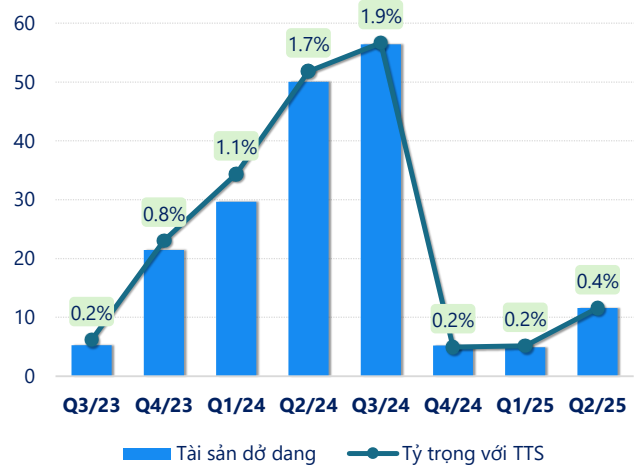
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

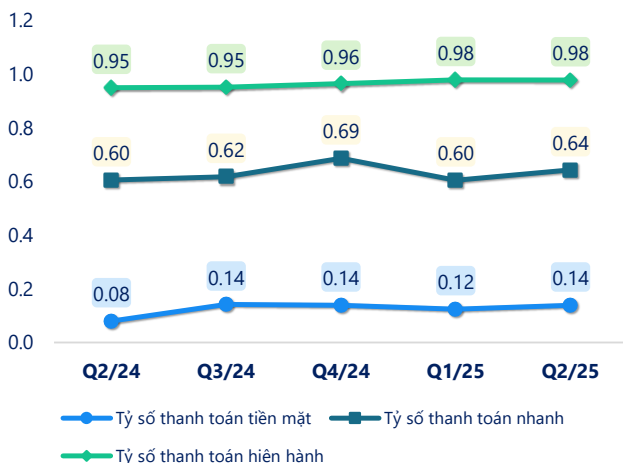
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



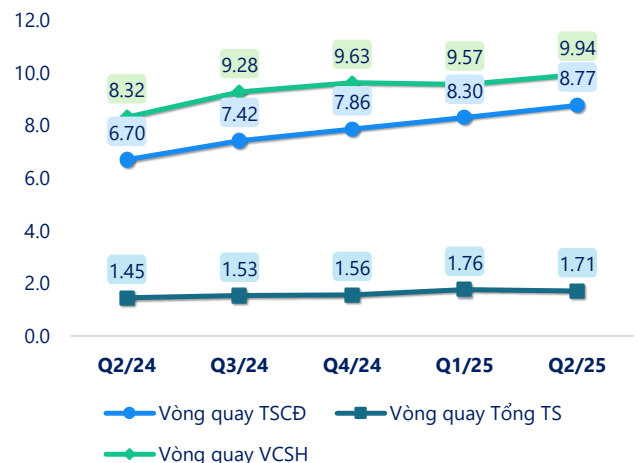
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,897	2,988	3,156	2,835	3,002
Tài sản ngắn hạn	2,126	2,213	2,368	2,065	2,218
Tiền và tương đương tiền	179	330	340	263	314
Đầu tư tài chính ngắn hạn	89.7	94.0	103	92.6	106
Phải thu ngắn hạn	957	881	1,104	824	947
Hàng tồn kho	771	777	684	789	760
Tài sản ngắn hạn khác	129	131	138	95.4	90.8
Tài sản dài hạn	771	775	787	771	784
Phải thu dài hạn	14.4	15.3	15.3	15.4	14.5
Tài sản cố định	556	546	602	589	592
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	50.0	56.4	5.21	4.91	11.6
Đầu tư tài chính dài hạn	78.6	79.7	80.9	81.1	83.2
Tài sản dài hạn khác	72.3	78.3	84.1	80.7	82.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,438	2,520	2,644	2,293	2,449
Nợ ngắn hạn	2,239	2,325	2,455	2,110	2,269
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,503	1,649	1,684	1,548	1,550
Phải trả người bán ngắn hạn	335	265	272	262	299
Nợ dài hạn	199	196	189	183	180
Vay và nợ thuê dài hạn	133	134	115	119	115
Nguồn vốn chủ sở hữu	460	468	512	543	553
Vốn chủ sở hữu	460	468	512	543	553
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)